

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

Số: 27/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Văn Giang, ngày 27 tháng 06 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015

Căn cứ Điều 4; Điều 6; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 05 năm 2022 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lê Văn T** – Sinh năm: 1973

- Bà **Nguyễn Thị N** – Sinh năm: 1974

Đều có HKTT, hiện trú tại: Đội 9, thôn H, xã CC, huyện VG, tỉnh HY

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cừu Cao, huyện Văn Giang vào ngày 14/12/1993. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra xung đột cãi vã do bất đồng quan điểm, trong công việc làm ăn kinh tế cũng không có tiếng nói chung. Gia đình khuyên nhủ nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện và ngày càng trầm trọng. Nay ông T và bà

N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của ông T và bà N là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông T và bà N.

[2] Về con chung: Ông T và bà N có 02 con chung là anh Lê Huy L sinh năm 1994 và anh Lê Huy C sinh năm 1996. Cả hai con chung đều đã trưởng thành và tự chăm lo được cho bản thân, nên khi ly hôn ông T và bà N không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của hai vợ chồng: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị N đều không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí: Ông Lê Văn T tự nguyện nộp tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị N đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là anh Lê Huy L sinh năm 1994 và anh Lê Huy C sinh năm 1996. Cả hai con chung của ông bà đều đã trưởng thành, nên khi ly hôn ông T và bà N không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của hai vợ chồng: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị N đều không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Văn T tự nguyện nộp 300.000đ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010642 ngày 31 tháng 5 năm 2022

của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Bùi Vũ Thu Giang